

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Đào**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thu**.

2. Ông **Lê Văn Thuận**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Thảo Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân
 Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham
 gia phiên tòa:*** Ông **Bùi Quốc Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét
 xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ
 ngày 05 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
 xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn
 phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Tú A**, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng
 mặt).

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số x khu phố x, phường B, thị xã
 Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số Y khu phố L, phường L, thị xã Hòa Thành,
 tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Quốc V**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X khu phố L, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Tú A trình bày:

Chị Tú A và anh V chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Hòa Thành (nay là UBND phường L, thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không tự hàn gắn được. Do hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Tú A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 16/12/2016, khi ly hôn chị Tú A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tú A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2021, bị đơn anh Trần Quốc V trình bày:

Anh V thống nhất với lời trình bày của chị Tú A về thời gian sống chung, anh chị có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng do anh V không chung thủy nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Thời gian qua anh V đã nhận lỗi sai, thường xuyên thuyết phục chị Tú A quay về để vợ chồng hàn gắn, anh cam đoan sẽ chăm lo làm ăn và luôn yêu thương vợ con nhưng chị Tú A vẫn cương quyết ly hôn. Nay anh V không đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị Tú A. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh đồng ý giao con cho vợ nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị Phạm Tú A có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn anh Trần Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tú A, anh V là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 2, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tú A; giao con chung tên Trần Quốc T, sinh năm 2016 cho chị Tú A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung và nợ chung chị Tú A và anh V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Xác định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Tú A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Quốc V cư trú tại khu phố L, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Trần Tú A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Quốc V đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Tú A và anh V chung sống với nhau từ năm 2015, có thực hiện việc đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị Tú A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh V do không hạnh phúc trong hôn nhân, từ đầu năm 2021 đã phát sinh mâu thuẫn về tình cảm và nhiều mặt. Anh V trình bày đã từ bỏ mối quan hệ với người phụ nữ khác, đưa ra phương án hàn gắn sẽ luôn chung thủy, yêu thương vợ con nhưng chị Tú A không tin tưởng chấp nhận. Chị xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống cùng anh V, vợ chồng sống ly thân nhiều tháng nay không tự hàn gắn được. Nhận thấy hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu được ly hôn của chị Tú A đối với anh V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 16/12/2016, chị Tú A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật và anh V đồng ý, ngoài ra cháu Trung còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ, do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Trung cho chị Tú A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh V không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 1.500.000 đồng là phù hợp nhu cầu cần thiết để nuôi dưỡng cháu T phát triển bình thường về mọi mặt, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Tú A, anh V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị Tú A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và anh V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Tú A.

Chị Phạm Tú A được ly hôn với anh Trần Quốc V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Phạm Tú A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Trần Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000 đồng, thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm 28/10/2021 cho đến khi cháu Trần Quốc T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Tú A, anh Trần Quốc V không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Tú A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tú A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009684 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị Tú A đã nộp xong án phí.

Anh Trần Quốc V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Tú A, anh Trần Quốc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.